

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

Số 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 – 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

Số 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding và các công ty con ("Tập đoàn") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Bá Trí

Ông Đặng Anh Tâm

Ông Bùi Quốc Hưng

Bà Võ Thị Thanh Trà

Ông Phan Văn Dũng

Bà Đặng Thị Lành

Ông Phan Võ Đăng Khoa

Chủ tịch

Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08/6/2022)

Thành viên

Thành viên

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08/6/2022)

Trưởng Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

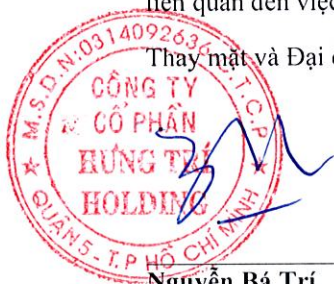
Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và Đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Bá Trí

Chủ tịch

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Số: 414HN/2022/DFK-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2023, từ trang 3 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Lương Nhân
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0182-2023-042-1



Phạm Đức Thắng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 3208-2020-042-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		568.114.482.227	527.392.913.172
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	4	72.116.932.493	31.064.111.496
1. Tiền	111		72.116.932.493	31.064.111.496
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	5	237.560.400.587	289.924.886.137
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		244.293.826.739	282.936.582.892
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		22.670.550.820	17.541.193.229
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	7.667.186.556
4. Các khoản phải thu khác	136		11.935.775.941	14.341.415.316
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(41.339.752.913)	(32.561.491.856)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		241.225.137.517	193.780.938.798
1. Hàng tồn kho	141		241.225.137.517	193.780.938.798
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		17.212.011.630	12.622.976.741
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		272.698.193	214.058.813
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.788.654.007	12.065.054.446
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		150.659.430	343.863.482
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		164.962.974.337	167.901.114.061
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		5.220.573.000	1.720.203.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		5.220.573.000	1.720.203.000
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		111.480.092.772	123.601.492.882
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	73.569.442.552	80.732.208.158
Nguyên giá	222		174.638.457.632	173.530.015.647
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(101.069.015.080)	(92.797.807.489)
2. Tài sản thuê tài chính	224	7	5.484.793.084	10.375.074.820
Nguyên giá	225		24.461.408.181	24.461.408.181
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(18.976.615.097)	(14.086.333.361)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	32.425.857.136	32.494.209.904
Nguyên giá	228		34.759.690.354	34.759.690.354
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.333.833.218)	(2.265.480.450)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240	9	12.859.172.931	12.859.172.931
Nguyên giá	241		12.859.172.931	12.859.172.931
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		7.532.733.400	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.532.733.400	-
<i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		25.208.568.661	25.534.233.735
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	16.258.568.661	16.584.233.735
2. Đầu tư dài hạn khác	253	11	8.950.000.000	8.950.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		2.661.833.573	4.186.011.513
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.661.833.573	4.186.011.513
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		733.077.456.564	695.294.027.233

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

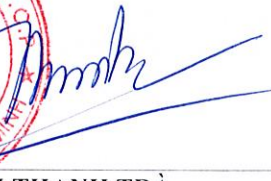
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		399.858.376.936	370.468.494.274
I. Nợ ngắn hạn	310		340.748.947.473	281.868.314.996
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		49.613.584.392	74.818.600.672
2. Người mua trả tiền trước	312		118.241.677.325	98.257.550.507
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	12.702.907.571	10.132.697.470
4. Phải trả công nhân viên	314		251.000.000	246.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		9.542.684.234	8.678.295.766
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		5.580.012.360	6.437.419.146
7. Vay ngắn hạn	320	13	123.389.848.187	62.778.910.659
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	14	6.164.719.800	5.315.073.572
9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		15.262.513.604	15.203.767.204
II. Nợ dài hạn	330		59.109.429.463	88.600.179.278
1. Phải trả dài hạn khác	337		8.930.870.000	5.790.500.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	50.178.559.463	82.809.679.278
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		333.219.079.628	324.825.532.959
I. Vốn chủ sở hữu	410		333.219.079.628	324.825.532.959
1. Vốn điều lệ	411	16	159.667.160.000	159.667.160.000
- Cổ phiếu phổ thông	411a		159.667.160.000	159.667.160.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.854.834.000	10.854.834.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		20.762.582.000	20.762.582.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.404.110.807	22.441.315.332
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		8.290.974.111	7.386.115.510
6. Lợi nhuận chưa phân phối:	421		29.732.082.902	23.979.104.780
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.764.236.168	4.628.355.276
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		21.967.846.734	19.350.749.504
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	18	81.507.335.808	79.734.421.337
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	450		733.077.456.564	695.294.027.233


PHAN QUANG VINH
Kế toán trưởng
Ngày 20 tháng 3 năm 2023




VÕ THỊ THANH TRÀ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2022	2021
1. Doanh thu bán hàng	01		713.736.238.640	626.702.403.693
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10	19	713.736.238.640	626.702.403.693
4. Giá vốn hàng bán	11	20	577.060.917.105	498.243.353.738
5. Lợi nhuận gộp	20		136.675.321.535	128.459.049.955
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.098.061.948	2.244.603.080
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	22	14.070.353.697	11.921.366.911
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		11.862.623.588	11.363.169.396
8. Lợi nhuận công ty liên doanh, liên kết	24	10	(325.665.074)	(204.284.555)
9. Chi phí bán hàng	25	23	18.963.279.006	16.227.856.143
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	63.236.969.001	64.202.984.296
11. Lãi từ hoạt động kinh doanh	30		42.177.116.705	38.147.161.130
12. Thu nhập khác	31		1.746.443.777	1.285.948.368
13. Chi phí khác	32		938.044.481	256.045.756
14. Lợi nhuận khác	40		808.399.296	1.029.902.612
15. Lãi kế toán trước thuế	50		42.985.516.001	39.177.063.742
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	10.478.014.027	7.161.277.104
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	53		-	-
18. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.507.501.974	32.015.786.638
<i>Phân bổ cho:</i>				
18.1 Cổ đông của Công ty	61		21.967.846.734	21.635.155.771
18.2 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62		10.539.655.240	10.380.630.867
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	995	1.097

PHAN QUANG VINH
Kế toán trưởng
Ngày 20 tháng 3 năm 2023



VÕ THỊ THANH TRÀ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ khác VND	Quỹ Đầu tư & Phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đồng thiểu số VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	159.667.160.000	10.854.834.000	20.762.582.000	6.541.709.243	22.441.315.332	17.640.964.802	79.151.229.068	317.059.794.445
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	21.635.155.771	10.380.630.867	32.015.786.638
Trích quỹ	-	-	-	2.284.406.267	-	(2.284.406.267)	-	-
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	(1.835.908.327)	-	-
Chi từ quỹ	-	-	-	(1.440.000.000)	-	-	-	(1.835.908.327)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(11.176.701.200)	-	(1.440.000.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	(8.523.215.798)	(19.699.916.998)
Tại ngày 31/12/2021	159.667.160.000	10.854.834.000	20.762.582.000	7.386.115.510	22.441.315.332	23.979.104.780	79.734.421.337	324.825.532.959
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	21.967.846.734	10.539.655.240	32.507.501.974
Trích quỹ	-	-	-	2.406.648.495	-	(2.406.648.495)	-	-
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	(3.678.598.285)	(45.716.711)	(3.724.314.996)
Chi từ quỹ	-	-	-	(1.351.043.112)	-	-	-	(1.351.043.112)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(11.176.701.200)	-	(19.353.201.668)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(150.746.782)	(37.204.525)	1.047.079.368	(8.176.500.468)	314.604.471
Tại ngày 31/12/2022	159.667.160.000	10.854.834.000	20.762.582.000	8.290.974.111	22.404.110.807	29.732.082.902	81.507.335.808	333.219.079.628



PHAN QUANG VINH
Kế toán trưởng
Ngày 20 tháng 3 năm 2023



VOOTHI THANH TRÀ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022		MẪU B 03-DN
				Đơn vị: VND
				Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lãi trước thuế	01	42.985.516.001		39.177.063.742
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02	13.589.072.603		14.630.715.144
Các khoản dự phòng	03	849.646.228		(715.580.971)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	(733.392.666)		(17.128.455)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(84.498.552)		(1.838.731.565)
Chi phí lãi vay	06	11.862.623.588		11.363.169.396
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	68.468.967.202		62.599.507.291
Thay đổi các khoản phải thu	09	44.333.720.041		(59.992.577.261)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(47.444.198.719)		60.804.620.597
Thay đổi các khoản phải trả	11	(8.663.262.090)		3.377.010.906
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.465.538.560		(2.079.348.144)
Tiền lãi vay đã trả	14	(13.167.272.624)		(12.925.976.671)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.626.878.418)		(9.611.598.186)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	3.140.370.000		-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.501.789.894)		(1.440.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	41.005.194.058		40.731.638.532
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21	(8.641.175.385)		1.887.418.718
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-		466.263.068
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-		(1.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	84.498.552		1.596.549.747
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.556.676.833)		2.950.231.533
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	199.415.254.469		145.865.035.791
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(171.435.436.756)		(187.750.809.020)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.353.201.668)		(19.699.916.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	8.626.616.045		(61.585.690.227)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	41.075.133.270		(17.903.820.162)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	31.064.111.496		48.967.931.658
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái	61	(22.312.273)		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	72.116.932.493		31.064.111.496

PHAN QUANG VINH
Kế toán trưởng
Ngày 20 tháng 3 năm 2023


VÔ THỊ THANH TRÀ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HUNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding (gọi tắt là “Tập đoàn”) được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0314092636, đăng ký lần đầu ngày 02/11/2016 và do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Sản xuất máy thông dụng khác; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Sửa chữa máy móc thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Tập đoàn có 8 công ty con và 5 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ b. quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hoàng Tâm	58,60%	58,60%	Sản xuất thiết bị cơ điện lạnh
Công ty TNHH Thương Mại AC&R Việt Nam	98,75%	100%	Bán buôn máy móc, thiết bị
Công ty CP Công nghiệp Lạnh Hưng Trí	70,31%	70,31%	Lắp đặt hệ thống điều hòa
Công ty TNHH Bao bì và Cơ điện lạnh Ba Huân	96,56%	100%	Dịch vụ cho thuê mặt bằng
Công ty TNHH Năng Lượng Xanh Hưng Trí	63,28%	63,28%	Lắp đặt, bảo trì hệ thống điện, điện lạnh
Công ty TNHH Kỹ Thuật Công Trình Hưng Trí	59,76%	59,76%	Thi công các công trình kho lạnh
Công ty TNHH Kỹ thuật lạnh Recom	66,85%	66,85%	Lắp đặt hệ thống điện, điện lạnh
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Cơ điện lạnh Hưng Trí	70,00%	70,00%	Kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ b. quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH IWATANI AC&R Việt Nam	35,00%	35,00%	Sản xuất tấm cách âm, cách nhiệt
Công ty Cổ phần Goldvest Pacific	24,15%	24,15%	Sản xuất cửa kho lạnh
Công ty CP Chế biến và Kho lạnh Hải Tâm	12,86%	12,86%	Dịch vụ kho lạnh
Công ty TNHH Thiết bị Inox Hoàng Tâm	50,00%	50,00%	Thiết bị Inox
Công ty TNHH Hiệu suất XAERUS Việt Nam	30,00%	30,00%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính: Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tập đoàn và báo cáo tài chính của các công ty do Tập đoàn kiểm soát (các công ty con) được lập từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tập đoàn và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tập đoàn tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tập đoàn thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tập đoàn, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tập đoàn vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó. Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	Số năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	30
Thiết bị dụng cụ quản lý	06 - 08
Tài sản cố định khác	08
	06

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng;

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận khoản lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh..

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.748.125.513	2.585.410.341
Tiền gửi ngân hàng	70.368.806.980	28.478.701.155
<i>VND</i>	<i>53.965.421.600</i>	<i>27.576.995.290</i>
<i>USD</i>	<i>16.403.385.380</i>	<i>884.170.743</i>
<i>EUR</i>	<i>-</i>	<i>17.535.122</i>
	72.116.932.493	31.064.111.496

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng	(1) 244.293.826.739	282.936.582.892
Trả trước cho người bán	(2) 22.670.550.820	17.541.193.229
Phải thu cho vay ngắn hạn	(3) -	7.667.186.556
Phải thu khác	(4) 11.935.775.941	14.341.415.316
	278.900.153.500	322.486.377.993
Dự phòng phải thu ngắn hạn	(41.339.752.913)	(32.561.491.856)
	237.560.400.587	289.924.886.137

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

(1) Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng gồm:	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH MEATDELI Hà Nội	49.148.095.106	29.274.567.517
Công ty CP ĐTVT Đô thị Long Giang	14.716.772.715	17.811.376.009
Asahi Planning Office Inc	13.562.715.357	14.708.651.609
Công ty TNHH Bệnh viện Phương Nam	14.516.259.603	11.136.816.585
Công ty CP Chế biến và Kho lạnh Hải Tâm	14.687.660.000	27.575.884.430
Công ty Cổ phần Thủy sản Chất Lượng Vàng	8.412.146.458	28.940.889.065
Các khách hàng khác	129.250.177.500	153.488.397.677
	244.293.826.739	282.936.582.892
(2) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn gồm:		
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Cách Âm Phương Nam	4.355.819.537	398.247.984
Công ty TNHH GEA Việt Nam	2.723.400.000	-
Công ty Cổ Phần Hùng Phương	-	1.002.100.000
Công Ty Cổ Phần Greenpan	-	1.633.261.217
Công ty TNHH MTV Mayekawa Việt Nam	6.600.204.000	1.856.460.600
Các khách hàng khác	8.991.127.283	12.651.123.428
	22.670.550.820	17.541.193.229
(3) Cho vay ngắn hạn		
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH KM Phương Nam	-	6.228.597.283
Công ty TNHH Thanh Khiết	-	1.438.589.273
	-	7.667.186.556
(4) Các khoản phải thu khác chi tiết như sau:		
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu tạm ứng	624.330.203	-
Ký cược, ký quỹ	4.233.680.934	2.736.628.781
Phải thu ngắn hạn khác	(*) 7.077.764.804	11.604.786.535
	11.935.775.941	14.341.415.316
(*) Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Hoàng Gia Long An	4.630.050.000	4.630.050.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA	-	3.587.290.000
Phải thu của các đối tượng khác	2.447.714.804	3.387.446.535
	7.077.764.804	11.604.786.535

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa & vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2022					
Tăng	146.185.990.164	16.106.807.745	8.297.549.622	2.939.668.116	173.530.015.647
+ Mua trong năm	-	1.108.441.985	-	-	1.108.441.985
Phân loại lại	-	1.108.441.985	-	-	1.108.441.985
Tại 31/12/2022	146.185.990.164	17.215.249.730	8.297.549.622	2.939.668.116	174.638.457.632
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2022					
Khấu hao:	75.250.884.273	8.816.753.229	6.239.246.487	2.490.923.500	92.797.807.489
+ Trích trong năm	5.854.758.194	1.876.750.464	652.025.948	246.903.493	8.630.438.099
Phân loại lại	5.854.758.194	1.876.750.464	652.025.948	246.903.493	8.630.438.099
Tại 31/12/2022	81.105.642.467	10.693.503.693	(279.482.602)	(79.747.906)	(359.230.508)
			6.611.789.833	2.658.079.087	101.069.015.080
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2022	70.935.105.891	7.290.054.516	2.058.303.135	448.744.616	80.732.208.158
Tại 31/12/2022	65.080.347.697	6.521.746.037	1.685.759.789	281.589.029	73.569.442.552

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 9.860.643.437 VND (31/12/2021: 11.717.760.079VND)
Tập đoàn đã thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại:

- + 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay được trình bày ở Thuyết minh số 13 và khoản vay tại BIDV – Chi nhánh Phú Nhuận của Tập đoàn.
- + 315/7 Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay được trình bày ở Thuyết minh số 13 và 15 tại BIDV – Chi nhánh Phú Nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

NGUYÊN GIÁ

Tại 01/01/2022

Tại 31/12/2022

Máy móc, thiết bị

VND

24.461.408.181

24.461.408.181

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại 01/01/2022

Khấu hao trong năm

Tại 31/12/2022

14.086.333.361

4.890.281.736

18.976.615.097

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2022

Tại 31/12/2022

10.375.074.820

5.484.793.084

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUYÊN GIÁ

Tại 01/01/2022

Tăng trong năm

Tại 31/12/2022

Quyền sử dụng đất

VND

32.425.857.136

Bản quyền phần mềm

VND

2.333.833.218

Tổng cộng

VND

34.759.690.354

-

32.425.857.136

2.333.833.218

34.759.690.354

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại 01/01/2022

Khấu hao trong năm

Tại 31/12/2022

- 2.265.480.450

2.265.480.450

- 68.352.768

68.352.768

- 2.333.833.218

2.333.833.218

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2022

Tại 31/12/2022

32.425.857.136

68.352.768

32.494.209.904

32.425.857.136

- 32.425.857.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa & vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2022	11.591.561.785	1.267.611.146	12.859.172.931
Tăng trong năm	-	-	-
Tại 31/12/2022	11.591.561.785	1.267.611.146	12.859.172.931
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2022	-	-	-
Tại 31/12/2022	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2022	11.591.561.785	1.267.611.146	12.859.172.931
Tại 31/12/2022	11.591.561.785	1.267.611.146	12.859.172.931

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2022	01/01/2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Goldvest Pacific	1.347.817.515	1.527.131.140
Công ty Iwatani AC&R Việt Nam	1.503.342.814	1.846.981.630
Công ty CP Chế biến và Kho lạnh Hải Tâm (*)	7.875.000.000	7.875.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Inox Hoàng Tâm	4.332.408.332	4.135.120.965
Công ty TNHH Hiệu suất Xaerus Việt Nam (*)	1.200.000.000	1.200.000.000
	16.258.568.661	16.584.233.735

(*) Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc do tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này chưa thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị này.

	31/12/2022	01/01/2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Goldvest Pacific		
Giá trị đầu tư	1.014.240.000	1.014.240.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	333.577.515	512.891.140
	1.347.817.515	1.527.131.140
Tổng tài sản	6.801.301.511	7.733.791.320
Tổng công nợ	1.208.036.805	1.396.398.750
Tài sản thuần	5.593.264.706	6.337.392.570
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty	1.347.817.515	1.527.131.140
	2022	2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	3.405.498.666	4.756.980.710
Lợi nhuận thuần	(744.127.864)	884.285.521
Lợi nhuận thuần của Tập Đoàn trong công ty	(179.313.625)	213.087.629
Công ty Iwatani AC&R Việt Nam		
	31/12/2022	01/01/2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá trị đầu tư	2.355.150.000	2.355.150.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(851.807.186)	(508.168.370)
	1.503.342.814	1.846.981.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

	31/12/2022	01/01/2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	7.752.102.675	8.845.360.256
Tổng công nợ	3.449.656.379	3.559.447.288
Tài sản thuần	4.302.446.296	5.285.912.968
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty	1.503.342.814	1.846.981.630

	2022	2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	3.405.498.666	3.414.243.000
Lợi nhuận thuần	(983.466.672)	(1.964.825.989)
Lợi nhuận thuần của Tập Đoàn trong công ty	(343.638.816)	(686.541.289)

Công ty TNHH Thiết bị Inox Hoàng Tâm

	31/12/2022	01/01/2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá trị đầu tư	7.200.000.000	7.200.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(2.867.591.668)	(3.064.879.035)
	4.332.408.332	4.135.120.965

	31/12/2022	01/01/2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	32.570.469.164	29.586.008.261
Tổng công nợ	23.905.652.499	21.315.766.331
Tài sản thuần	8.664.816.665	8.270.241.930
Phần tài sản thuần Tập Đoàn đầu tư vào công ty	4.332.408.332	4.135.120.965

	2022	2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	56.445.416.144	45.826.249.997
Lợi nhuận thuần	394.574.733	538.338.212
Lợi nhuận thuần của Tập Đoàn trong công ty	197.287.367	269.169.106

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC	8.950.000.000	8.950.000.000
	8.950.000.000	8.950.000.000

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế Giá trị gia tăng	2.432.538.005	5.065.614.177
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	9.998.508.669	5.031.755.193
Thuế Thu nhập cá nhân	156.230.848	35.328.100
Các loại thuế khác	115.630.049	-
	12.702.907.571	10.132.697.470

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN**13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
BIDV - Chi nhánh Phú Nhuận	59.218.594.587	12.748.835.987
BIDV - Chi nhánh Chợ Lớn	37.531.986.928	25.557.008.000
Vay các cá nhân	2.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	24.639.266.672	24.473.066.672
	123.389.848.187	62.778.910.659

+ Hợp đồng vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận bao gồm 3 hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1452090/HĐTD ngày 29/6/2022 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Hợp đồng cho vay với hạn mức là 80.000.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 29/6/2022 đến hết ngày 15/6/2023. Số dư vay tại ngày 31/12/2022 có thời hạn 06 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất từ 6% - 7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại 315/7 đường Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, TP.HCM và Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại 51 đường Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM thuộc quyền sở hữu của Công ty.
- Khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH Kỹ thuật Công trình Hưng Trí – công ty con của Công ty từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận theo hợp đồng tín dụng số 01/2022/3368456/HĐTD ngày 07 tháng 10 năm 2022 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Hợp đồng cho vay với hạn mức là 30.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 07 tháng 10 năm 2023. Số dư vay tại 31 tháng 12 năm 2022 có thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất 7.5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại 51 Đường Trần Phú, Phường 4, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của CTCP Hưng Trí Holding.
- Hợp đồng ngắn hạn số 01/2022/1458165/HĐTD ký ngày 30/06/2022 của Công ty TNHH Hoàng Tâm với hạn mức là 30.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất vay theo từng lần nhận nợ với thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày nhận giải ngân lần đầu tiên. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là Bất động sản gồm nhà và đất tại số 51 Trần Phú, Quận 5, TP.HCM.

+ Thể hiện các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn theo hợp đồng tín dụng số 1435/2022/1452090/HĐTD ngày 29 tháng 6 năm 2022 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Hợp đồng cho vay với hạn mức là 110.000.000.000 VND, trong đó dư nợ vay ngắn hạn tối đa 80.000.000.000 VND, thời hạn đến hết ngày 08 tháng 6 năm 2023. Số dư vay tại 31 tháng 12 năm 2022 có thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất 6%/năm đến 7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Lô C14B Đường số 9, Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Hưng Trí Holding.

+ Khoản vay từ các cá nhân để bổ sung vốn lưu động mua vật tư, hàng hoá nhập khẩu và các chi phí lắp đặt khác. Thời hạn các khoản vay dưới 12 tháng với lãi suất từ 3% đến 12%/ năm.

14. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng đối với bảo hành sản phẩm là ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí sửa chữa phải trả cho thời hạn bảo hành 12 tháng Tập đoàn áp dụng đối với các sản phẩm điện tử, điện lạnh trên cơ sở kinh nghiệm của Tập đoàn về xác suất các sản phẩm lỗi.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***15. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
BIDV - Chi nhánh Phú Nhuận	4.508.000.000	7.264.600.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - ACB	49.372.263	3.179.590.935
Vay các cá nhân	45.621.187.200	72.365.488.343
	50.178.559.463	82.809.679.278

Tại ngày 28 tháng 6 năm 2018, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận với hạn mức là 22.552.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất vay theo từng lần nhận nợ với thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày nhận giải ngân lần đầu tiên. Mục đích vay: thanh toán chi phí xây dựng văn phòng làm việc tại số 49-51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay là bất động sản tại số 49-51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

Khoản vay dài hạn cá nhân là khoản công ty vay tín chấp của cán bộ công nhân viên công ty với thời hạn vay là 24 tháng và lãi suất từ 3% - 12%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	24.639.266.672	24.473.066.672
Trong năm thứ hai	47.924.559.463	77.570.826.615
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.254.000.000	5.238.852.663
Sau năm năm	-	-
	74.817.826.135	107.282.745.950
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(24.639.266.672)	(24.473.066.672)
Số phải trả sau 12 tháng	50.178.559.463	82.809.679.278

16. VỐN ĐIỀU LỆ

Tại ngày 31/12/2022, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp		31/12/2022		Vốn thực góp		01/01/2022	
	VND	%	VND	%	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Bá Trí	45.420.400.000	28,45	45.420.400.000	28,45	45.420.400.000	28,45		
Ông Đặng Anh Tâm	19.316.450.000	12,10	19.316.450.000	12,10	19.316.450.000	12,10		
Ông Bùi Quốc Hưng	25.347.800.000	15,88	25.347.800.000	15,88	25.631.580.000	16,05		
Ông Fuco Rudyanto Chandra	15.885.900.000	9,95	15.885.900.000	9,95	15.885.900.000	9,95		
Cổ đông khác	53.696.610.000	33,62	53.696.610.000	33,62	53.412.830.000	33,45		
	159.667.160.000	100	159.667.160.000	100	159.667.160.000	100		

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***17. CỔ TỨC VÀ CỔ PHIẾU**

	31/12/2022	01/01/2022
Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.966.716	15.966.716
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.966.716	15.966.716
- Cổ phiếu phổ thông	15.966.716	15.966.716
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.966.716	15.966.716
- Cổ phiếu phổ thông	15.966.716	15.966.716
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND

18. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong các công ty con của Tập đoàn. Tình hình biến động của cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	79.734.421.337	79.151.229.068
Lợi nhuận của các cổ đông không kiểm soát	10.539.655.240	10.380.630.867
Cổ tức đã chia cho các cổ đông không kiểm soát	(8.176.500.468)	(8.523.215.798)
Các điều chỉnh khác	(590.240.301)	(1.274.222.800)
Tại ngày 31 tháng 12	81.507.335.808	79.734.421.337

19. DOANH THU

	2022	2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	114.208.039.660	66.484.156.971
- Doanh thu công trình	589.147.043.825	540.700.991.813
- Doanh thu dịch vụ	10.381.155.155	19.517.254.909
	713.736.238.640	626.702.403.693
Các khoản giảm trừ		
- Hàng bán bị trả lại	-	-
	713.736.238.640	626.702.403.693

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2022	2021
	VND	VND
Bao gồm:		
- Giá vốn hàng hóa đã bán	88.053.874.604	49.581.153.907
- Giá vốn thành phẩm đã bán	489.007.042.501	447.945.251.812
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	716.948.019
	577.060.917.105	498.243.353.738

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2022	2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	84.498.552	112.468.913
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.484.080.834
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	741.301.137	58.446.726
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.272.262.259	589.606.607
	<u>2.098.061.948</u>	<u>2.244.603.080</u>

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022	2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	11.862.623.588	11.363.169.396
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.908.471	41.318.271
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.199.821.638	516.567.419
Khác	-	311.825
	<u>14.070.353.697</u>	<u>11.921.366.911</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2022	2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí tiền lương nhân viên	9.136.342.740	8.369.911.829
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	9.926.040	55.702.183
Chi phí bảo hành	8.072.211.138	6.494.778.210
Chi phí khấu hao	284.275.651	266.098.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.416.982.602	937.065.336
Chi phí khác bằng tiền	43.540.835	104.300.225
	<u>18.963.279.006</u>	<u>16.227.856.143</u>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022	2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí Nhân viên quản lý	26.549.912.932	24.489.720.243
Chi phí dự phòng	8.778.261.057	12.068.634.664
Chi phí đồ dùng văn phòng	477.522.200	369.300.575
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.569.771.804	3.170.123.024
Thuế, phí và lệ phí	2.051.816.474	1.199.691.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.675.584.998	6.083.824.934
Chi phí khác	15.134.099.536	16.821.689.660
	<u>63.236.969.001</u>	<u>64.202.984.296</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG TRÍ HOLDING51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2022 VND	2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	42.985.516.001	39.177.063.742
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)	(4.711.999.939)	(1.484.080.834)
Lãi của các công ty liên kết	325.665.074	(8.803.074)
Chuyển lỗ năm trước ở công ty con	-	(1.178.963.214)
Cộng: Lỗ của các công ty con	-	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.820.756.052	398.046.281
Ảnh hưởng các bút toán hợp nhất	-	-
Thu nhập chịu thuế	40.419.937.188	36.903.262.901
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	10.066.301.181	8.133.159.036
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(1.031.381.932)
Thuế phải nộp theo quyết toán những năm trước	411.712.846	59.500.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.478.014.027	7.161.277.104

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.967.846.734	21.635.155.771
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.085.246.780)	(4.120.314.594)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.882.599.954	17.514.841.177
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.966.716	15.966.716
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	995	1.097


PHAN QUANG VINH**Kế toán trưởng**

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

**VÕ THỊ THANH TRÀ****Tổng Giám đốc**

